

Số: 498 /BC-SGDĐT

Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 5 năm 2019

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 về lĩnh vực giáo dục

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh về việc báo cáo đánh giá kết quả 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 về lĩnh vực giáo dục, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo cụ thể:

I. Phát triển giáo dục nông thôn

1. Đầu tư cơ sở vật chất

Ngành giáo dục và đào tạo đã đầu tư cơ sở vật chất trường lớp từ nhiều nguồn vốn: nguồn vốn TPCP thực hiện Đề án kiên cố hoá trường, lớp học và nhà công vụ giáo viên; nguồn kinh phí CTMT quốc gia giáo dục và đào tạo, nguồn vốn đầu tư phát triển, vốn 30a, vốn các chương trình, dự án, vốn ODA, vốn sự nghiệp và các nguồn vốn khác hàng năm, địa phương tiếp tục đầu tư cải tạo, mở rộng, nâng cấp và xây dựng bổ sung các hạng mục công trình, mua sắm trang thiết bị, tài sản từng bước đáp ứng yêu cầu về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ dạy học cho các cơ sở giáo dục của địa phương. Hệ thống trường, lớp học ngày càng hoàn thiện, công tác tăng cường cơ sở vật chất được chú ý, ngày càng có nhiều cơ sở khang trang, đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh.

Ngoài ra, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã đề nghị Trung ương bố trí 94 phòng học mầm non của các huyện miền núi từ nguồn vốn kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ giáo viên (Công văn số 5308/UBND-VX ngày 14/11/2014 về việc danh mục đầu tư xây dựng trường mầm non thuộc Đề án kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ giáo viên giai đoạn 2014-2015 và lộ trình 2020).

Ngày 28/12/2015, UBND tỉnh ban hành Quyết định phân bổ nguồn vốn trái phiếu (đợt 1) cho 04 huyện miền núi (Trà Bồng, Ba Tơ, Sơn Tây và Tây Trà) để xây dựng 29 phòng học cho mẫu giáo 5 tuổi (kinh phí 1.206 triệu/1 phòng).

+ Kết quả thực hiện đầu tư cơ sở vật chất:

- Mầm Non: đến nay đã có 1.629 phòng học, trong đó Nhà trẻ: 145 phòng, Mẫu giáo: 1.484 phòng, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 27,3%; có 67 phòng phục vụ học tập; 390 phòng hành chính quản trị, 100 nhà vệ sinh dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; tỷ lệ phòng hành chính kiên cố đạt 66,4%. Có 77.917m tường rào và 148 hệ thống nước sạch.

- Tiểu học: đến nay đã có 3.255 phòng học, trong đó tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 65,13%; có 674 phòng phục vụ học tập, trong đó tỷ lệ phòng kiên cố đạt

61,57%; 797 phòng hành chính quản trị, trong đó tỷ lệ kiên cố đạt 49,93%; có 69.065m tường rào và 109 hệ thống nước sạch.

- Trung học cơ sở: đến nay đã có 1.837 phòng học, trong đó tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 81,98%; có 229 phòng bộ môn đáp ứng quy định tại Quyết định 37/2008/QĐ-BGDĐT; có 253 phòng bộ môn chưa đáp ứng quy định tại Quyết định 37/2008/QĐ-BGDĐT, trong đó tỷ lệ phòng kiên cố đạt 73,27%; có 364 phòng phục vụ học tập, trong đó tỷ lệ kiên cố đạt 67,85%; 789 phòng hành chính quản trị, trong đó tỷ lệ kiên cố đạt 68,94%; có 63.887m tường rào và 125 hệ thống nước sạch.

- Trung học phổ thông: đến nay đã có 1.019 phòng học, trong đó tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 96,46%; có 128 phòng bộ môn đáp ứng quy định tại Quyết định 37/2008/QĐ-BGDĐT; có 27 phòng bộ môn chưa đáp ứng quy định tại Quyết định 37/2008/QĐ-BGDĐT, trong đó tỷ lệ phòng kiên cố đạt 96,13%; có 113 phòng phục vụ học tập, trong đó tỷ lệ kiên cố đạt 96,13%; 351 phòng hành chính quản trị, trong đó tỷ lệ kiên cố đạt 81,48%; có 22.044m tường rào và 25 hệ thống nước sạch.

2. Mua sắm trang thiết bị

Mặc dù trong điều kiện ngân sách nhà nước còn nhiều khó khăn, hàng năm, toàn ngành dành khoảng 5% kinh phí chi thường xuyên của sự nghiệp giáo dục để mua bổ sung trang, thiết bị trường học cho cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông.

Mua sắm tại tỉnh: Từ năm 2011 đến 2018, từ nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục được giao trong dự toán hàng năm và kinh phí Chương trình MTQG Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức mua sắm trang thiết bị tối thiểu, nội thất, đồ chơi ngoài trời và tin học cấp cho các trường mầm non trong tỉnh với tổng kinh phí mua sắm là: 63.183,775 triệu đồng, trong đó:

- Thiết bị đồ dùng dạy học tối thiểu: 1.198 bộ, tổng kinh phí 15.475,625 triệu đồng (*trong đó có cấp bù do trận lũ tháng 11/2013: 168 bộ*).

- Bộ nội thất dùng chung: 1.062 bộ (*trong đó có cấp bù do trận lũ tháng 11/2013: 98 bộ*), kinh phí 17.600,020 triệu đồng.

- Đồ chơi ngoài trời: 451 bộ, kinh phí 19.003,226 triệu đồng.

- Bộ thiết bị làm quen tin học: Đã mua 655 bộ, kinh phí 8.346,944 triệu đồng.

- Mua 235 đàn organ bổ sung bộ đồ dùng dạy học tối thiểu, kinh phí 2.757,960 triệu đồng.

Mua sắm tại huyện, thành phố: Hàng năm các huyện, thành phố bố trí kinh phí mua sắm bổ sung bộ thiết bị tối thiểu, nội thất bằng kinh phí Sở phân trong chương trình MTQG, ngân sách của đơn vị, tổng kinh phí: 11.821,315 triệu đồng; Ngoài ra các đơn vị còn mua sắm tài liệu, học liệu đủ cho học sinh 5 tuổi để thực hiện chương trình GDMN cho trẻ học tập tại trường bằng nguồn huy động cha mẹ học sinh hỗ trợ (đối với các huyện đồng bằng, thành phố), nguồn kinh phí từ phòng giáo dục và đào tạo (đối với các huyện miền núi).

Kết quả thực hiện đầu tư trang thiết bị:

- Mầm non: đến nay đã có 1.529 bộ thiết bị dạy học tối thiểu; 1.138 bộ thiết bị dùng chung; 38.921 (cái/chiếc) thiết bị khác; 196 (cái/chiếc) thiết bị TDDT; đáp ứng 60% nhu cầu.

- Tiểu học: đến nay đã có 17.317 bộ thiết bị dạy học tối thiểu; 2.417 bộ thiết bị dùng chung; 13.691 bộ thiết bị đồ dùng thư viện; 3.700 (cái/chiếc) thiết bị khác; 1.270 cái/chiếc thiết bị TDDT; 47.799 bộ bàn ghế học sinh; đáp ứng 72.% nhu cầu.

- Trung học cơ sở: đến nay đã có 5.252 bộ thiết bị dạy học tối thiểu; 3.538 bộ dùng cho phòng học bộ môn; 3.254 bộ thiết bị dùng chung; 1.216 cái/chiếc thiết bị khác; 27.481; 886 cái/chiếc thiết bị TDDT; 27.481 bộ hệ thống bàn ghế học sinh; đáp ứng 75% nhu cầu.

- Trung học phổ thông: đến nay đã có 1.801 bộ thiết bị dạy học tối thiểu; 1.420 bộ dùng cho phòng học bộ môn; 2.484 bộ thiết bị dùng chung; 212 cái/chiếc thiết bị khác; 739 cái/chiếc thiết bị TDDT; 26.996 bộ hệ thống bàn ghế học sinh; đáp ứng 78.% nhu cầu.

3. Công tác xã hội hóa giáo dục

Trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, từ khi Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường được ban hành đến cuối năm 2016 thì số dự án đầu tư từ nguồn xã hội hóa về lĩnh vực giáo dục là 152 dự án đã được cấp phép. Tổng mức kinh phí đầu tư, hỗ trợ cho các dự án là 208,14 tỷ đồng. Riêng năm 2017 có 05 dự án thành lập với tổng số vốn đầu tư 41,7 tỷ đồng trên tổng diện tích 12.508m². Hầu hết các dự án đầu tư từ nguồn xã hội hóa về lĩnh vực giáo dục là các dự án xây dựng CSVC nhỏ, nguồn vốn ít như xây dựng phòng học, xây dựng nhà xe, xây dựng các công trình phụ trợ phục vụ dạy và học...

Nhiều địa phương, đơn vị đã chủ động, tích cực huy động các nguồn lực ngoài ngân sách để đầu tư cho giáo dục. Một số cơ sở giáo dục ở các huyện miền núi, đảo Lý Sơn đã tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức, đoàn thể và người dân để đầu tư xây dựng, sửa chữa trường lớp học và các điều kiện phục vụ việc dạy và học Công ty Cổ phần Xã hội H.E.L.P tặng nhà bán trú container cho học sinh huyện Tây Trà; Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh - Thành phố Hồ Chí Minh trao 500.000 cuốn vở học sinh vùng lũ với số tiền 1.5 tỷ đồng; Sở GDĐT thành phố Hồ Chí Minh tài trợ hơn 5 tỷ đồng xây dựng 6 phòng học 02 tầng tại Trường Mầm non An Vĩnh, huyện Lý Sơn.

II. Kết quả thực hiện tiêu chí số 5 và tiêu chí số 14

1. Tiêu chí 5

Trường học tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia.

- Mầm non: Trường đạt chuẩn 83/214 trường, tỷ lệ 38,79%, vượt chỉ tiêu tỉnh giao năm 2020: 3,84%

- Tiểu học: Tổng số trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia là 152/217 trường, tỷ lệ 70,05% (trong đó, số trường đạt chuẩn sau 5 năm là: 119, số trường đã kiểm tra và công nhận lại là 17 trường).

- Trung học cơ sở: 118/168 trường, tỷ lệ là 72,2%.

- Trung học phổ thông: 21/38 trường, tỷ lệ là 55,3%.

2. Tiêu chí 14

- Đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non được nâng lên rõ rệt. Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở được duy trì

Có 183/184 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, 14/14 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, tỷ lệ 100%; 184/184 xã, 14/14 huyện, thành phố duy trì bền vững kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; 183/184 xã, 14/14 huyện, thành phố đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

- Đạt tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học, giáo dục thường xuyên hằng năm trên 90%.

III. Định hướng trong việc xây dựng nông thôn mới sau năm 2020

1. Các giải pháp xây dựng nông thôn mới

a. Xây dựng Ban chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại cơ sở giáo dục, phân công theo dõi các nội dung theo tiêu chí đạt chuẩn quốc gia về trường học, giáo dục và đào tạo.

b. Tập trung chỉ đạo, ban hành các văn bản để triển khai thực hiện; bố trí kinh phí để đầu tư xây dựng phòng học còn thiếu, phòng học chưa đạt yêu cầu. Tranh thủ từ các nguồn vốn hợp pháp, đầu tư trọng điểm, có hiệu quả; huy động các nguồn lực để phát triển giáo dục, khắc phục tình trạng cơ sở vật chất trường lớp xuống cấp.

c. Tăng cường kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện xây dựng nông thôn mới và giám sát cộng đồng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn; xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới.

d. Cùng cố, duy trì kết quả phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và trung học cơ sở, nâng cao chất lượng giáo dục phổ cập; tiếp tục đẩy mạnh phân luồng sau trung học cơ sở, định hướng nghề nghiệp cho học sinh trung học phổ thông.

đ. Tăng cường công tác tuyên truyền.

- Phát động mạnh mẽ, rộng khắp phong trào thi đua chung sức xây dựng nông thôn mới ở địa phương phải gắn liền xây dựng và phát triển trường học đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học.

- Tổ chức tuyên truyền cho đội ngũ cán bộ, công chức cơ quan quản lý giáo dục, cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường, của gia đình và của cộng đồng trong việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển trường học đạt chuẩn quốc gia.

e. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác giáo dục

- Tiếp tục nâng cao nhận thức và thực hiện tốt phương châm “ giáo dục là sự nghiệp toàn dân”. Huy động các nguồn lực xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục trên tất cả các mặt; tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, các cấp để đầu tư phát triển giáo dục, xây dựng phong trào xã hội học tập. Gắn trách nhiệm hạn chế tỷ lệ học sinh bỏ học với danh hiệu thi đua của địa phương.

- Phát huy sự hỗ trợ tích cực của mặt trận tổ quốc, các đoàn thể vận động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân có sự quan tâm đến giáo dục và đào tạo tại địa phương, đặc biệt là con em của địa phương đã thành đạt trên các lĩnh vực trong và ngoài tỉnh. Công khai nguồn vốn vận động và phương án sử dụng, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra giám sát để sử dụng nguồn vốn vận động đúng mục đích.

2. Công tác tổ chức kiểm tra, chỉ đạo

Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước, bảo đảm đúng tiến độ của các kế hoạch về phát triển mạng lưới trường lớp; đầu tư cơ sở vật chất; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên; phổ cập giáo dục; chỉ đạo các hoạt động chuyên môn;... làm cơ sở hoàn thành chỉ tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Chủ trì và phối hợp với các ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các huyện, thành phố giải quyết những vướng mắc và đầu tư cho các trường phấn đấu đạt chuẩn quốc gia.

Tổ chức, triển khai kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trong toàn ngành. Hướng dẫn các Phòng Giáo dục và Đào tạo, trường trung học phổ thông có kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia ở đơn vị.

Tổ chức thanh tra, kiểm tra; sơ kết, tổng kết theo định kỳ (hằng năm và 5 năm) để đánh giá tiến độ thực hiện kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trên cơ sở đó làm tham mưu cho UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo.

Tiếp tục chỉ đạo ngăn chặn tình trạng học sinh bỏ học, tổ chức kiểm tra kết quả duy trì phổ cập giáo dục tiêu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh sau 5 năm được công nhận.

Đảm bảo tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở các cấp học theo đúng mục tiêu chung của cả nước; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh các cấp học; tăng cường giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành cho học sinh; đưa chất lượng giáo dục của tỉnh đạt mức trên trung bình của cả nước và khu vực.

IV. Kiến nghị, đề xuất để thực hiện các tiêu chí về giáo dục và đào tạo

1. Kiến nghị với Ban chỉ đạo Tỉnh


UBND tỉnh, Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới Tỉnh quan tâm hỗ trợ kinh phí cho địa phương, chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư có kế hoạch phân bổ ngân sách, kết hợp xã hội hóa cho hoạt động đầu tư cơ sở vật chất trong phát triển mạng lưới trường, lớp giai đoạn sau 2020. Thẩm định các dự án xây dựng trường học mới phải đảm bảo tối thiểu chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất và diện tích đất.

Tập trung vốn ưu tiên cho các trường bị xuống cấp nặng, tạm mượn phòng học, có kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; tham mưu cho UBND tỉnh ban hành chính sách thu hút đầu tư xây dựng.

2. Kiến nghị với Ban chỉ đạo Trung ương

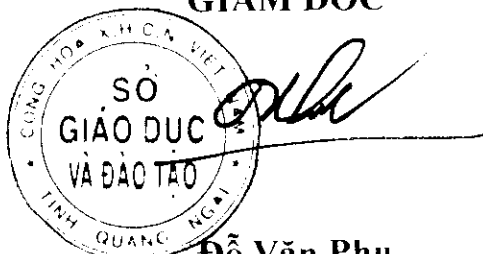
Đề nghị Ban chỉ đạo Trung ương quan tâm hỗ trợ kinh phí kịp thời cho tỉnh để thực hiện các tiêu chí trong bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo để các cấp theo dõi, chỉ đạo./.

Nơi nhận: 

- UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- GD, các Phó GD Sở GDĐT;
- Lưu: VT, GDTTH.

GIÁM ĐỐC



Đỗ Văn Phú